

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/DS-ST  
Ngày 12 tháng 5 năm 2023  
V/v tranh chấp "Hợp đồng  
vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Cao Thị Loan.
- Bà Lê Thị Minh Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho không tham gia phiên tòa.**

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số F, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

\* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Số D, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(có mặt ông M, vắng mặt bà D)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:**

Là chỗ quen biết nên ngày 02/3/2020 ông có cho bà Nguyễn Thị Ngọc D vay số tiền 3.000.000 đồng. Khi vay có viết biên nhận và thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời gian vay là 3 tháng tức ngày 02/6/2020 phải trả vốn. Nhưng đến nay bà D không trả vốn và lãi như thỏa thuận. Ông nhiều lần liên hệ nhưng bà D né tránh, do đó nay ông khởi kiện buộc bà D trả cho ông 3.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi tính từ ngày 02/3/2020 đến ngày xét xử vụ án.

\* **Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông M.**

\* Tại phiên tòa, ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông M căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 02/3/2020 để khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền vốn vay là 3.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ thời điểm vay đến khi Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D cư trú tại số D, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà D.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:* Căn cứ vào biên nhận vay tiền đề ngày 02/3/2020 do ông M cung cấp có chữ viết, chữ ký bà D có đủ cơ sở xác định giữa ông M và bà D có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 3.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền vay là 03 tháng tức ngày 02/6/2020 phải trả vốn. Đến hạn trả tiền bà D không thực hiện như đã cam kết nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Kể từ ngày quá hạn trả lãi và quá hạn trả tiền gốc, ông M có nhiều lần đốc thúc bà D trả tiền, nhưng bà D không thực hiện mà cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Như vậy việc bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản, trả đủ tiền khi đến hạn của từng lần thanh toán, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì bà D phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho ông M. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà D không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai của ông M và chứng cứ biên nhận ngày 02/3/2020 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Đối với yêu cầu tính lãi:* Theo ông M trình bày từ khi vay tiền, bà D không đóng lãi đầy đủ cho nguyên đơn, khi ông M thông báo trả tiền gốc thì bà D cũng không thực hiện. Nay ông M yêu cầu tính lãi từ ngày 02/3/2020 đến ngày xét xử. Xét thấy yêu cầu tính lãi của ông M là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự nên Tòa án chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi là: 3.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 3 năm 02 tháng 10 ngày = 1.909.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 147, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền vốn vay là 3.000.000, tiền lãi là 1.909.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 4.909.000 (*bốn triệu chín trăm lẻ chín ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0023371 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thúy Hằng**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thúy Hằng**